TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do –Hạnh phúc

Quyết định số: 08/2022/QĐST - DS
Ngày 22 – 8 - 2022
V/v"Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự".

QUYẾT ĐỊNH
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với Hội đồng họp xét việc dân sự gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Đình Tùng
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Tân Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tham gia phiên họp*: Ông Nguyễn Hùng Phong - Kiểm sát viên

Trong ngày 22/8/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước đưa ra giải quyết việc dân sự về việc thụ lý số: 48/2022/TLST – VDS, ngày 06 tháng 06 năm 2022 về việc "Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự", theo Quyết định mở phiên họp số: 06/2022/QĐPH - VDS, ngày 15/8/2022 giữa các đương sự:

Người yêu cầu: Ông Trần Quốc B, sinh năm 1960 (Có mặt)
Địa chỉ: Tổ 3, khu phố X C I, phường H Ch, thị xã B L, tỉnh Bình Phước.

Người bị yêu cầu: Bà Trần Thị L, sinh năm 1957 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 3, khu phố X C I, phường H Ch, thị xã B L, tỉnh Bình Phước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Bà Đoàn Thị N, sinh năm 1960 (Có mặt)
2. Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1994 (Xin vắng mặt)
3. Bà Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1990 (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 3, khu phố X C I, phường H Ch, thị xã B L, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG YÊU CẦU

Theo đơn yêu cầu và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo của ông Trần Quốc B trình bày: Ông Trần Quốc B là em ruột của bà Trần Thị L, sinh năm 1957, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Tổ 3, khu phố X C I, phường H Ch, thị xã B L, tỉnh B Ph. Bà L bị bệnh bẩm sinh, là người sinh sống với ông B và gia đình từ nhỏ, trong sinh hoạt hàng ngày bà L không nhận biết được mọi thứ, cho ăn thì ăn, cho uống thì uống và gia đình ông B đã trưng

cầu giám định năng lực tại Bệnh viện tâm thần trung ương tại tỉnh Đồng Nai. Hiện tại bố mẹ bà L đã chết hết, bà L không thể thực hiện được các giao dịch liên quan đến các thủ tục giấy tờ mà cần phải có người giám hộ, người đại diện. Nay ông Trần Quốc B yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Trần Thị L, sinh năm 1957, cư trú tổ 3, khu phố X C I, phường H Ch, thị xã B L, tỉnh Bình Phước là một người mất năng lực hành vi dân sự.

Bà Đoàn Thị N trình bày: Bà Năm là vợ của ông Trần Quốc B, là em dâu của bà Trần Thị L. Hiện tại bà L đang sinh sống cùng với gia đình vợ chồng bà N và ông B từ trước đến nay. Bà L bị bệnh bẩm sinh, không nhận biết được mọi thứ, ăn, uống và gia đình đã trưng cầu giám định năng lực tại Bệnh viện tâm thần trung ương tại tỉnh Đồng Nai.

Bà Trần Thị Ngọc H và bà Trần Thị Ngọc M trình bày: Là con của bà N và ông B và là cháu của bà Trần Thị L, hiện nay bà L bị bệnh bẩm sinh, là người sinh sống với ông B từ nhỏ, bà L không nhận biết được mọi thứ và gia đình đã trưng cầu giám định năng lực hành vi của bà L tại Bệnh viện tâm thần trung ương tại tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, lời trình bày và xác nhận của người yêu cầu và người liên quan tại phiên họp; Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long tham gia phiên họp. Bà Trần Thị L, sinh năm 1957, nơi cư trú tổ 3, khu phố X C I, phường H Ch, thị xã B L, tỉnh Bình Phước, đã có kết luận giám định của Bệnh viện tâm thần trung ương tại tỉnh Đồng Nai, đề nghị Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu của ông Trần Quốc B về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Trần Thị L mất năng lực hành vi dân sự.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào lời trình bày và xác nhận của người yêu cầu và người liên quan tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã Bình Long nhận định:

[1] Về quan hệ pháp L và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông Trần Quốc B là em ruột của bà Trần Thị L. Ông B yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Trần Thị L, sinh năm 1957; nơi cư trú tổ 3, khu phố X C I, phường H Ch, thị xã B L, tỉnh Bình Phước là một người mất năng lực hành vi dân sự. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 2 Điều 39 của Bộ L tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B L, tỉnh Bình Phước.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Ông Trần Quốc B là em ruột của bà Trần Thị L. Ông B trình bày gia đình của ông B có hai chị em trong đó bà Trần Thị L bị bệnh bẩm sinh, bố mẹ của ông B và bà L đã chết hết, bà L là người sinh sống chung với ông B từ nhỏ, bà L không nhận biết được mọi thứ, ăn, uống, sinh hoạt không tự mình thực hiện. Gia đình đã trưng cầu giám định năng lực hành vi dân sự của bà L tại Bệnh viện tâm thần trung ương tại tỉnh Đồng Nai. Bà L hiện nay không thể thực hiện được các giao dịch liên quan đến các thủ tục giấy tờ mà phải cần có người giám hộ, người đại diện. Nay ông B yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Trần Thị L, sinh năm 1957, cư trú tổ 3, khu phố X C I, phường H Ch, thị xã B L, tỉnh Bình Phước là một người mất năng lực hành vi dân sự và đề nghị cử người giám hộ cho bà L. Xét thấy bà Trần Thị L là người mắc bệnh bẩm sinh hiện đã và đang được hưởng trợ cấp xã hội theo Quyết định

số 2009/QĐ – UB ngày 08/11/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Bình Long; Căn cứ vào giấy xác nhận tờ khai nhân khẩu ngày 29/4/2022 của Công an thị xã Bình Long, giấy xác nhận thông tin về nơi cư trú của Công an phường Hưng Chiến, Sổ điều trị ngoại trú, sổ trợ cấp xã hội và Kết luận giám định pháp y tâm thần của Viện pháp y tâm thần trung ương Biên hòa số 460/KL – VPYTW ngày 27/7/2022. Yêu cầu của ông Trần Quốc B là có đủ cơ sở nên được chấp nhận. Bà Trần Thị L, sinh năm 1957, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Tổ 3, khu phố X C I, phường H Ch, thị xã B L, tỉnh Bình Phước là một người mất năng lực hành vi dân sự.

Giao cho ông Trần Quốc B là người giám hộ cho bà Trần Thị L, sinh năm 1957, nơi cư trú: Tổ 3, khu phố X C I, phường H Ch, thị xã B L, tỉnh Bình Phước.

[3] Về lệ phí của Tòa án: Căn cứ theo theo quy định tại Điều 149 Bộ L tố tụng dân sự, điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Ông Trần Quốc B là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền lệ phí.

QUYẾT ĐINH:

Căn cứ vào các Điều 376 và Điều 378 của Bộ L tố tụng dân sự, các Điều 22 và Điều 54 của Bộ L dân sự.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Trần Quốc B. Tuyên bố bà Trần Thị L, sinh năm 1957, nơi cư trú: Tổ 3, khu phố X C I, phường H Ch, thị xã B L, tỉnh Bình Phước là người mất năng lực hành vi dân sự.

2. Giao cho ông Trần Quốc B là người giám hộ cho bà Trần Thị L.

3. Lệ phí Tòa án: Căn cứ theo theo quy định tại Điều 149 Bộ L tố tụng dân sự, điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Ông Trần Quốc B được miễn toàn bộ tiền lệ phí Tòa án.

Người yêu cầu và người liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 07 (Bảy) ngày kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

Nơi nhận:
- TAND T Bình Phước;
- VKS TX Bình Long;
- Các đương sự:
- Chi cục THA TX Bình Long;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Đình Tùng

TÒA ÁN NHÂN DÂN……[(1)]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:…../…../QĐ-SCBSBA [2]

……, ngày…… tháng …… năm……

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ L tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do[3]..... trong bản án số[4]…/…/DSST- ... ngày…tháng…năm…của Toà án nhân dân[5] ..... đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về[6]....., giữa:

Nguyên đơn: .....
Địa chỉ: .....

Bị đơn: .....
Địa chỉ: .....

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: .....
Địa chỉ: .....

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số …/…/DSST- ... ngày…tháng…năm…của Tòa án nhân dân.....như sau:

Tại dòng thứ… từ…, trang…của bản án đã ghi:[7] "..... ....."

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:[8]"..... ....."

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Cơ quan, tổ chức khởi kiện (nếu có);
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA[9]
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 53-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân đã xét xử sơ thẩm và ra bản án; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện A, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án (ví dụ: Số: 10/2017/QĐ-SCBA).

(3) Tuy từng trường hợp mà ghi cụ thể "lỗi rõ ràng về chính tả", "nhầm lẫn về số liệu" hoặc "tính toán sai".

(4) Ghi số bản án và ngày tháng năm ra bản án (ví dụ: Số:15/2017/DSST-KDTM ngày 20-4-2017).

(5) Ghi tên Toà án nhân dân đã ra bản án đó theo cách ghi hướng dẫn tại điểm (1).
(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ L tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ L tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").
(7) Trích lại nguyên văn phần bản án phát hiện có sai sót cần sửa chữa, bổ sung.
(8) Ghi đầy đủ nội dung cần sửa chữa, bổ sung để khắc phục sai sót.
(9) Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phối hợp hợp với các Hội thẩm nhân dân là thành viên Hội đồng xét xử đã tuyên bản án đó phải ra quyết định sửa chữa, bổ sung bản án. Nếu Thẩm phán đã xét xét xử vụ án đó không còn đảm nhiệm chức vụ Thẩm phán tại Tòa án đã ra bản án đó thì Chánh án Tòa án phải thực hiện việc sửa chữa, bổ sung bản án.

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....[1]

Số:...../...../QĐ-SCBSBA [2]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng ..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ L tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do[3]..... trong bản án số[4]…/…/DSST- ... ngày…tháng…năm…của Toà án nhân dân[5] ..... đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về[6]....., giữa:

Nguyên đơn: .....
Địa chỉ: .....

Bị đơn: .....
Địa chỉ: .....

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: .....
Địa chỉ: .....

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số …/…/DSST- ... ngày…tháng…năm…của Tòa án nhân dân.....như sau:

Tại dòng thứ… từ…, trang…của bản án đã ghi:[7] "..... ....."

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:[8]"..... ....."

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Cơ quan, tổ chức khởi kiện (nếu có);
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA[9]
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Trong ngày..... tháng..... năm.....[9] tại.....[10] mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số:...../...../TLST-.....[11] ngày..... tháng..... năm..... về yêu cầu .....[12] theo Quyết định mở phiên họp số:...../...../QĐPH-……[13] ngày.....tháng..... năm.....

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:[14].....

Người đại diện hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:[15] .....

Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu giải quyết việc dân sự:[16].....

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:……[17]

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[18]

Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[19].....

4. Người làm chứng:[20].....

5. Người phiên dịch:[21] .....

6. Người giám định:[22]

7. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:[23].....

- .....
- .....
- .....

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án ……. [24] nhận định:[25] .....

- .....
- .....
- .....

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:[26].....

.....

.....

Lệ phí giải quyết việc dân sự phải nộp[27]: .....

.....

Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án [28]……..

……

……

(29)